

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1664/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 28 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tài nguyên nước
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành kế hoạch triển khai thi hành Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 301/TTr-SNNMT ngày 09 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 1767/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc triển khai thi hành Luật Tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan, Chủ tịch UBND các xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *7.11*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng Nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh;
- UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai (dăng tin);
- Lưu: VT, TH, KGVX, KTN, Thu. *2*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Hoàng





CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Triển khai thi hành Luật Tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
(Kèm theo Quyết định số 1664/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 được Quốc hội Khóa XV, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2023, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024. Ngày 02 tháng 4 năm 2024, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 274/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15.

Điều 10 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15 được Quốc hội Khóa XV, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2025, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Để triển khai thi hành Luật Tài nguyên nước kịp thời, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước tại Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ và một số điều của Luật Tài nguyên nước được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

Xác định trách nhiệm, cơ chế phối hợp giữa các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc tiến hành các hoạt động triển khai thi hành Luật Tài nguyên nước trên phạm vi toàn tỉnh.

Tổ chức rà soát các văn bản có liên quan đến tài nguyên nước để sửa đổi, bổ sung, ban hành mới hoặc bãi bỏ; tuyên truyền, tập huấn phổ biến Luật Tài nguyên nước, các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật nhằm sớm đưa các quy định của pháp luật tài nguyên nước vào cuộc sống, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng tài nguyên nước.

2. Yêu cầu

Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên, hiệu quả giữa các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai thi hành Luật Tài nguyên nước.

Bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thi hành Luật Tài nguyên nước.

Xác định lộ trình thực hiện cụ thể để bảo đảm kịp thời thực hiện các hoạt động triển khai thi hành Luật Tài nguyên nước.

Nội dung công việc phải gắn với trách nhiệm, vai trò của cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì trong việc phối hợp các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thi hành Luật Tài nguyên nước.

Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, giải quyết những vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện để đảm bảo tiến độ, hiệu quả của việc triển khai thi hành Luật.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Quán triệt, tuyên truyền, phổ biến, tập huấn Luật Tài nguyên nước và các văn bản quy định chi tiết một số điều của Luật

a) Tổ chức tập huấn chuyên sâu về các quy định của Luật Tài nguyên nước và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.

- Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Cục Quản lý tài nguyên nước, Sở Tư pháp, các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh.

- Thời gian thực hiện: Năm 2026 và các năm tiếp theo.

b) Tổ chức tuyên truyền Luật Tài nguyên nước và các văn bản quy định chi tiết một số điều của Luật trên các phương tiện thông tin đại chúng

- Cơ quan thực hiện: Báo và Đài Phát thanh truyền hình Đồng Nai, các cơ quan, đơn vị truyền thông trên địa bàn tỉnh chủ trì tuyên truyền Luật Tài nguyên nước và các văn bản quy định chi tiết một số điều của Luật trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Cơ quan phối hợp: Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân các xã, phường.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

c) Tổ chức, xây dựng tài liệu hỏi - đáp về pháp luật tài nguyên nước; phần mềm tra cứu, hỏi đáp chính sách, pháp luật tài nguyên nước.

- Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Cục Quản lý tài nguyên nước, các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân xã, phường; các cơ quan, tổ chức liên quan trong việc triển khai thi hành Luật Tài nguyên nước.

- Thời gian thực hiện: Năm 2026 và các năm tiếp theo.

2. Tổ chức rà soát, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên nước và các văn bản liên quan

a) Nội dung công việc:

Tiếp tục rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Luật Tài nguyên nước và các văn bản hướng dẫn Luật thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của UBND tỉnh; thực hiện theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo phù hợp với quy định của Luật.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với các quan tổ chức rà soát toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên nước do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành theo thẩm quyền và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên nước nhằm đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật; chuyển tải đầy đủ chính sách, pháp luật của Nhà nước trong quản lý nhà nước về tài nguyên nước. Gửi danh mục các văn bản cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ về Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 hằng năm (nếu có).

- Thời gian thực hiện: Hằng năm và theo các kế hoạch rà soát, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh và cơ quan trung ương ban hành.

3. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao trong Luật

Căn cứ quy định của Luật Tài nguyên nước, các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện nhiệm vụ về tài nguyên nước theo quy định, đảm bảo đồng bộ, kịp thời, hiệu quả. Cụ thể:

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước được giao tại khoản 1 Điều 80 Luật Tài nguyên nước và các nhiệm vụ khác giao trong Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

b) Sở Xây dựng

- Khi xảy ra hạn hán, thiếu nước phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan và các đơn vị cấp nước tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh biện pháp ứng phó, giảm thiểu thiệt hại (khoản 2 Điều 36 Luật Tài nguyên nước).

- Phối hợp thực hiện biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước (khoản 4 Điều 43 Luật Tài nguyên nước).

c) Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về nguồn kinh phí thực hiện

nhiệm vụ tại Kế hoạch trong dự toán ngân sách được giao hằng năm theo phân cấp ngân sách và các nguồn kinh phí hợp pháp theo quy định của pháp luật.

d) Các Sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chỉ đạo việc lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với kịch bản nguồn nước. Nghiên cứu, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Luật Tài nguyên nước và Văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

d) Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Đồng Nai

- Theo dõi, tổng hợp và báo cáo về tình hình khí tượng thủy văn, thiên tai khí tượng thủy văn, xu thế biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, thiên tai khí tượng thủy văn và xác định cấp độ rủi ro thiên tai; dự báo, đánh giá khí hậu, thủy văn, tiềm năng gió, mặt trời, sóng, thủy điện phục vụ chỉ đạo, điều hành, khai thác, sản xuất năng lượng không tái tạo và tái tạo theo quy định của pháp luật; ban hành, truyền phát các bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, thiên tai khí tượng thủy văn và cấp độ rủi ro thiên tai chi tiết theo quy định.

e) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo quy định tại Khoản 3 Điều 80 Luật Tài nguyên nước (khoản này được bổ sung bởi khoản 9 Điều 10 Luật sửa đổi 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường) và các nội dung được giao trong Luật Tài nguyên nước và các Văn bản hướng dẫn thi hành Luật:

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; phối hợp với cơ quan, tổ chức quản lý trạm, công trình quan trắc, đo đạc, giám sát tài nguyên nước, công trình thăm dò, khai thác nước, xả nước thải vào nguồn nước để bảo vệ các công trình này.

- Phổ biến, tuyên truyền về tài nguyên nước nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ tài nguyên nước, khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên nước trên địa bàn.

- Tiếp nhận, quản lý, bảo vệ mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước theo phân công; giám sát các hoạt động trong hành lang bảo vệ nguồn nước, vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt theo quy định.

- Định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường việc khai thác nước dưới đất của hộ gia đình để sử dụng cho sinh hoạt.

- Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp trên.

- Tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; theo dõi, phát hiện và tham gia giải quyết sự cố ô nhiễm nguồn nước theo thẩm quyền; tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác được giao trong Luật Tài nguyên nước và văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai chịu trách nhiệm thực hiện Kế hoạch này, bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm, tránh hình thức, lãng phí.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được nêu trong Kế hoạch này để kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo quy định.

3. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm xây dựng dự toán kinh phí trong dự toán ngân sách được giao hằng năm theo phân cấp ngân sách và các nguồn kinh hợp pháp theo quy định của pháp luật trình cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch này.

4. Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, tổ chức và đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về nguồn kinh phí để triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch này theo quy định.

5. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN, ĐỀ ÁN TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1664/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	NHIỆM VỤ, DỰ ÁN, ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
I.	NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN			
1	Xây dựng, thực hiện các chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra	Sở Nông nghiệp và Môi trường Sở Khoa học và Công nghệ	Khoản 2 Điều 6 Luật Tài nguyên nước.	
2	Phổ biến, tuyên truyền, truyền thông về tài nguyên nước nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ tài nguyên nước, khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Điểm e khoản 1 Điều 80 Luật Tài nguyên nước.	
3	Xây dựng và duy trì mạng quan trắc tài nguyên nước, giám sát, cảnh báo, dự báo nguồn nước theo lộ trình đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Điểm a khoản 1 và khoản 4 Điều 10, điểm b khoản 1 Điều 51 Luật Tài nguyên nước. - Khoản 7 Điều 97 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024.	
4	Phục hồi, bảo vệ các khu vực, tầng chứa nước dưới đất bị suy thoái mực nước, ô nhiễm, nhiễm mặn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Điểm g khoản 1 và khoản 2 Điều 6 của Luật Tài nguyên nước. - Khoản 2 Điều 95 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024.	
5	Bảo vệ nguồn nước mặt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 21; Điều 23; điểm b khoản 2 Điều 26 Luật Tài nguyên nước. - Khoản 3 Điều 8 Luật Bảo vệ môi trường.	

STT	NHIỆM VỤ, DỰ ÁN, ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
6	Bảo vệ môi trường nước mặt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Khoản 6 Điều 21; điểm a, c khoản 2 Điều 26 Luật Tài nguyên nước. - Khoản 3 Điều 8 Luật Bảo vệ môi trường.	
7	Tổ chức thực hiện biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước	- Sở Nông nghiệp và Môi trường - Sở Xây dựng	- Khoản 4 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước. - Khoản 3 Điều 45 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024, Điều này được sửa đổi bởi Khoản 22 Điều 1 Nghị định 23/2026/NĐ-CP.	
8	Xây dựng báo cáo khai thác, sử dụng tài nguyên nước của tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Điểm b khoản 1 Điều 10 Luật Tài nguyên nước. - Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024.	
9	Xác định các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; tổ chức thực hiện kế hoạch bảo vệ nước dưới đất;	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Điểm c khoản 1 Điều 80 Luật Tài nguyên nước. - Khoản 7 Điều 31, Khoản 2 Điều 34 Luật Tài nguyên nước. - Điều 24 (Điều này được sửa đổi bởi Điều 6 Thông tư 06/2026/TT-BNNMT), Điều 25 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024.	
10	Lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với kịch bản nguồn nước; xây dựng, tổ chức thực hiện phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Khoản 4 Điều 10; Khoản 6 và Khoản 7 Điều 35, khoản 3 Điều 81 Luật Tài nguyên nước. - Khoản 6 Điều 41, Khoản 2 Điều 43, Khoản 2 Điều 44 (Điều này được bổ sung bởi Điểm b Khoản 21 Điều 1 Nghị định 23/2026/NĐ-CP), khoản 4 Điều 45 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024.	

STT	NHIỆM VỤ, DỰ ÁN, ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
11	Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên nước	Sở Nông nghiệp và Môi trường UBND các xã, phường	- Khoản 4 Điều 83 Luật Tài nguyên nước. - Điểm b khoản 2 Điều 31 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024. - Khoản 3 Điều 14 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024, Khoản này được sửa đổi bởi Điều 5 Thông tư 06/2026/TT-BNNMT. - Thông tư số 04/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 06/2026/TT-BNNMT.	
II	NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN			
1	Lập, tổ chức thực hiện phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra trong quy hoạch tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Khoản 1 Điều 12 (Khoản này được sửa đổi bởi Khoản 2 Điều 10 Luật sửa đổi 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường) Luật Tài nguyên nước. - Điểm b khoản 1 Điều 80, khoản 7 Điều 86 Luật Tài nguyên nước.	
2	Xây dựng và tổ chức thực hiện Kiểm kê tài nguyên nước mặt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Điểm c khoản 1 và khoản 4 Điều 10 Luật Tài nguyên nước. - Khoản 7 Điều 5; Khoản 3, điểm b khoản 4 Điều 6 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024.	<i>Định kỳ 05 năm 01 lần</i>
3	Điều tra, đánh giá tài nguyên nước mặt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Khoản 4 Điều 10 Luật Tài nguyên nước. - Khoản 7 Điều 5 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024.	
4	Xác định, công bố dòng chảy tối thiểu đối với	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Khoản 4 Điều 10; khoản 5, khoản 7 Điều 24	

STT	NHIỆM VỤ, DỰ ÁN, ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	sông, suối nội tỉnh	trường	Luật Tài nguyên nước. - Điều 19 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 06/2026/TT-BNNMT.	
5	Xác định, điều chỉnh dòng chảy tối thiểu đối với sông, suối nội tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Khoản 9 Điều 24 của Luật Tài nguyên nước - Điều 20 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024.	<i>Định kỳ 05 năm 01 lần hoặc đột xuất</i>
6	Điều tra, đánh giá, xác định khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước mặt nội tỉnh và lập bản đồ phân vùng tiếp nhận nước thải của nguồn nước mặt nội tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Khoản 4 Điều 10 Luật Tài nguyên nước. - Điểm d khoản 3 Điều 8; khoản 2 Điều 9 Luật Bảo vệ môi trường.	
7	Xác định, công bố chức năng đối với nguồn nước mặt nội tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Khoản 5 Điều 22 Luật Tài nguyên nước. - Điểm b Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 (Điểm này được sửa đổi bởi Điều 1 Thông tư 06/2026/TT-BNNMT). - Khoản 3 Điều 8 Luật Bảo vệ môi trường.	<i>Trường hợp chưa có quy hoạch hoặc quy hoạch chưa thể hiện chức năng nguồn nước</i>
8	Rà soát, điều chỉnh chức năng nguồn nước mặt nội tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Điểm d khoản 2 Điều 19 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điểm e Khoản 11 Điều 10 Luật sửa đổi 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường) Luật Tài nguyên nước;	

STT	NHIỆM VỤ, DỰ ÁN, ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
			- Khoản 5 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điểm e Khoản 11 Điều 10 Luật sửa đổi 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường), khoản 6 Điều 22 Luật Tài nguyên nước; - Điểm b Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024.	
9	Đo đạc mặt cắt sông, suối; đánh giá diễn biến sạt lở lòng, bờ, bãi sông	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Điểm c khoản 1 và khoản 4 Điều 10 Luật Tài nguyên nước. - Điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024.	<i>Định kỳ 05 năm 01 lần</i>
10	Xây dựng, ban hành Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Khoản 7 Điều 31 Luật Tài nguyên nước. - Khoản 4 Điều 8 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024. - Khoản 1 Điều 24 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 (Khoản này được sửa đổi bởi Điều 1 Thông tư 06/2026/TT-BNNMT).	<i>Trong 03 năm kể từ ngày Luật có hiệu lực</i>
11	Rà soát, điều chỉnh Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Khoản 7 Điều 31 Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Khoản 4 Điều 8 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024. - Điều 25 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024.	<i>Định kỳ 05 năm xem xét, điều chỉnh hoặc đột xuất</i>
12	Xác định và tổ chức việc công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Điều 12 Thông tư 03/2024/TT-BTNMT (Điều này được sửa đổi bởi Điều 3 Thông tư 06/2026/TT-BNNMT); - Điều 14 Thông tư 03/2024/TT-BTNMT (Điều	

STT	NHIỆM VỤ, DỰ ÁN, ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
			này được sửa đổi bởi Điều 4 Thông tư 06/2026/TT-BNNMT). - Khoản 3 Điều 14 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 (Khoản này được sửa đổi bởi Điều 5 Thông tư 06/2026/TT-BNNMT). - Điểm a khoản 3 Điều 8; khoản 2 Điều 9 Luật Bảo vệ môi trường.	
13	Khoanh định, công bố, điều chỉnh Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Khoản 4 Điều 31 của Luật Tài nguyên nước. - Khoản 3 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 34, Điều 38; khoản 2 Điều 39, Khoản 2 Điều 95 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024.	
14	Lập, công bố, điều chỉnh danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp đối với hồ, ao, đầm, phá thuộc nguồn nước mặt nội tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Khoản 6 Điều 63 Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Điều 57 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 (Điều này được sửa đổi bởi Khoản 29 Điều 1 Nghị định 23/2026/NĐ-CP) - Điều 58 (Điều này được bổ sung bởi Điểm c Khoản 30 Điều 1 Nghị định 23/2026/NĐ-CP), khoản 2 Điều 59 (Điều này được sửa đổi bởi Khoản 31 Điều 1 Nghị định 23/2026/NĐ-CP), Khoản 5 Điều 97 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024.	<i>Định kỳ 05 năm 01 lần</i>
15	Ban hành, điều chỉnh danh mục nguồn nước mặt nội tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Khoản 5 Điều 27; điểm đ khoản 1 Điều 80 Luật Tài nguyên nước.	
176	Lập danh mục đập, hồ chứa và xây dựng, phê duyệt quy chế phối hợp vận hành của các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc địa bàn 01 tỉnh, thành	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Khoản 9 Điều 38 Luật Tài nguyên nước; Khoản 1, khoản 2 Điều 55 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024.	

STT	NHIỆM VỤ, DỰ ÁN, ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	phổ trực thuộc trung ương	Sở Công thương		
17	Lập danh mục đập, hồ chứa và xây dựng, phê duyệt quy chế phối hợp vận hành của các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên	Sở Nông nghiệp và Môi trường Sở Công thương	- Khoản 9 Điều 38 Luật Tài nguyên nước; - Khoản 3 Điều 55 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 (Khoản này được sửa đổi bởi Khoản 28 Điều 1 Nghị định 23/2026/NĐ-CP).	UBND cấp tỉnh ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh chủ trì lập danh mục, xây dựng quy chế phối hợp vận hành
18	Lập, công bố, điều chỉnh danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước; phê duyệt, điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước, kế hoạch, phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Khoản 3 Điều 23; điểm b, điểm d khoản 6 Điều 23 Luật Tài nguyên nước. - Điều 26, điểm c khoản 2 Điều 97 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024. - Thông tư 23/2024/TT-BTNMT ngày 26/11/2024	
19	Cấm mốc giới, giao mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước; xác định mốc chỉ giới hành lang bảo vệ nguồn nước	Sở Nông nghiệp và Môi trường UBND các xã, phường	- Khoản 6 Điều 23 của Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Luật Đất đai năm 2024. - Điều 27 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024. - Thông tư 23/2024/TT-BTNMT ngày 26/11/2024.	Lĩnh vực quản lý đất đai
20	Xây dựng và duy trì hệ thống cảnh báo, dự báo	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Khoản 3 Điều 6, khoản 4 Điều 10 của Luật	Lĩnh vực

STT	NHIỆM VỤ, DỰ ÁN, ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	lũ, lụt, hạn hán và các tác hại khác do nước gây ra ở những khu vực đang chịu sự tác động mạnh mẽ của biến đổi khí hậu.	trường Sở Khoa học và Công nghệ	Tài nguyên nước. - Luật Phòng chống thiên tai 2020.	CNTT
21	Cập nhật, nâng cấp, quản lý, vận hành và duy trì Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh tích hợp với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Khoản 7 Điều 7, khoản 4 Điều 10 của Luật Tài nguyên nước. - Điều 79, Điều 83, khoản 3 Điều 84 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024.	Lĩnh vực CNTT
22	Ban hành kế hoạch, lộ trình quy định các loại dự án phải có phương án sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước đối với các dự án tại các khu vực thường xuyên xảy ra hạn hán, thiếu nước và xác định các ưu đãi mà dự án đó được hưởng theo quy định của pháp luật	Sở Nông nghiệp và Môi trường Sở Tài chính	Khoản 4 Điều 59 Luật Tài nguyên nước.	Lĩnh vực môi trường, tài nguyên nước
23	Rà soát, chuyển đổi mục đích sử dụng đối với các moong khai thác khoáng sản, đất, vật liệu xây dựng sau khi dừng khai thác tạo hành hồ để điều hòa, tích trữ, cấp nước, tạo cảnh quan khi đáp ứng đủ các điều kiện của các quy định	Sở Nông nghiệp và Môi trường UBND các xã, phường	- Khoản 5 Điều 27 Luật Tài nguyên nước. - Điểm c khoản 2 Điều 59 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 (Điều này được sửa đổi bởi Khoản 31 Điều 1 Nghị định 23/2026/NĐ-CP).	Lĩnh vực quy hoạch sử dụng đất